

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu.
Ông Đặng Quang Hoạch.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 421/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Chu T, sinh năm: 1990.

HKTT và cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1987.

HKTT và cư trú: Ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Ngô Chu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2020. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và đã sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2020. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và đã sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc và xin nghỉ làm rất khó khăn nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh được ly hôn với chị D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Ngô Chu T nộp đơn khởi **kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp B, xã B**, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh T nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh T, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 03/8/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị D, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã sống riêng; đồng thời chị D cũng đồng ý ly hôn với anh T. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị D và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị D là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Chu T về việc “Ly hôn” với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Chu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Anh Ngô Chu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007010 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Anh Ngô Chu T đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương